

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H M H – T L A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ng V Kh .

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đ Th A T

2. Ông Ng Th H

- Thư ký phiên tòa: Ông Ng V Q – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà L Th K C, sinh năm: 1988

Địa chỉ cư trú: A B T 1, X B H T, h M H, t L A.

2. *Bị đơn:* Ông Tr V H, sinh năm: 1981

Địa chỉ cư trú: A B T 1, X B H T, h M H, t L A.

(Bà Ch có mặt, Ông Hvắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn, bà L Th K C trình bày:

Bà Ch và ông Tr V H cưới nhau vào năm 2008 và đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND x B H T , h M H , t L A . Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do Ông H không lo làm ăn nuôi vợ con mà chỉ biết chơi bời rượu chè bê tha. Nay Bà Ch xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr V H.

Về con chung: Quá trình chung sống Bà Ch và Ông H có 01 người con chung tên là Tr Th B Tr , sinh ngày 09/7/2009 (giới tính: Nữ), con chung hiện nay đang sống với bà L Th K C. Sau khi ly hôn Bà Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông Tr V H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L Th K C và ông Tr V H đã tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Tr V H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đến để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập đến phiên tòa xét xử nhưng Ông H vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân h M H , t L A và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét bị đơn ông Tr V H đã được tổng đạt giấy báo tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Tr V H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà L Th K C và ông Tr V H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân x B H T , h M H vào năm

2011 đúng với quy định của Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bà L Th K C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr V H do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho Bà Ch và Ông H tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng Ông H vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của Bà Ch. Hơn nữa, Bà Ch cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Hùng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Ch và Ông H đã trầm trọng, đời sống chung hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L Th K C đối với ông Tr V H.

[2.2] Nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà L Th K C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên: Trương Th B Tr , sinh ngày 09/7/2009 (giới tính: Nữ); Ông Tr V H không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của Bà Ch. Xét thấy, con chung đang sống với Bà Ch, được Bà Ch chăm sóc và có cuộc sống ổn định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”*. Hội đồng xét xử giao cho bà L Th K C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà L Th K C tự nguyện không yêu cầu ông Tr V H cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Bà L Th K C, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L Th K C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L Th K Ch đối với bị đơn ông Tr V H.

- 1. Quan hệ hôn nhân:** Cho bà L Th K C được ly hôn với ông Tr V H.
- 2. Về con chung:** Giao cho bà L Th K C trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên: Tr Th B Tr , sinh ngày 09/07/2009 (giới tính: Nữ); Ông Tr V H không phải cấp dưỡng nuôi con.
- 3. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn;** Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- 4. Về tài sản chung, nợ chung:** Bà L Th K C xác định không yêu cầu giải quyết.
- 5. Về án phí:** Bà L Th K C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà Ch đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003019, ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.
- 6. Về quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã Bình Hòa Tây, huyện Mộc Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi